



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 10

Số 84 (15/10/2010)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
04-10-2010	Chỉ thị số 20/2010/CT-UBND về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo năm học 2010 - 2011 tại thành phố Hồ Chí Minh.	2
04-10-2010	Chỉ thị số 21/2010/CT-UBND về tăng cường bảo vệ môi trường nước lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015.	7
04-10-2010	Quyết định số 4329/QĐ-UBND phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015.	12

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

- 14-9-2010 - Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ. 21
- 04-10-2010 - Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn huyện Cần Giờ. 36

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2010/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2010

CHỈ THỊ**Về thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo
năm học 2010 - 2011 tại thành phố Hồ Chí Minh**

Thực hiện Chỉ thị số 3399/CT-BGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp năm học 2010 - 2011;

Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chỉ thị Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể thành phố và tổ chức xã hội tập trung thực hiện tốt nhiệm vụ năm học 2010 - 2011, với các nội dung trọng tâm như sau:

1. Về công tác chính trị tư tưởng

a) Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, thiết thực, hiệu quả, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị, phấn đấu ngày càng nhiều gương điển hình về “làm theo” tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

b) Đề cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân cho đội ngũ, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý và người đứng đầu các đơn vị. Kiên quyết loại bỏ khỏi ngành những cá nhân thiếu ý thức, trách nhiệm, yếu kém về nhận thức, sai lệch về tư tưởng. Tiếp tục đưa nội dung cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” lồng ghép vào giảng dạy một số môn học chính khóa và hoạt động ngoài giờ lên lớp.

c) Tổ chức Hội nghị tổng kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 33/2006/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và cuộc vận động “Hai không” của ngành với 4 nội dung “Nói

không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và việc học sinh không đạt yêu cầu được lên lớp”.

d) Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”. Tổ chức tuyên dương, khen thưởng nhằm động viên, nêu gương trong toàn ngành những giáo viên có ý thức tự học, tự rèn, sáng tạo trong giảng dạy và giáo dục.

đ) Nâng chất lượng, hiệu quả hoạt động Đoàn, Đội trong nhà trường; gắn chặt hoạt động Đoàn, Đội với việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị trong từng nhà trường. Phát huy hiệu quả vai trò tích cực của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong việc giáo dục lý tưởng đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho trẻ em, thanh thiếu niên, học sinh.

e) Đẩy mạnh phong trào thi đua “*Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực*”. Triển khai thực hiện nội dung “*Đi học an toàn*” nhằm đảm bảo an toàn cho học sinh trên đường từ nhà đến trường, an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường trên cơ sở phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, nhà trường và gia đình.

g) Tiếp tục đẩy mạnh chủ đề tư tưởng “Sống có trách nhiệm”, sống trung thực; giáo dục học sinh lý tưởng sống, kỹ năng sống. Phấn đấu đào tạo một thế hệ học sinh thành phố có trí tuệ, có thể lực, văn minh, nghĩa tình.

h) Phối hợp với Hội Khuyến học, Hội Cựu Giáo chức và các phương tiện truyền thông để tuyên truyền, phát huy truyền thống ham học, lao động sáng tạo của người Việt Nam. Phổ biến, nhân rộng các tấm gương điển hình trong đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh, sinh viên xuất sắc.

2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục đào tạo

a) Triển khai Chương trình giáo dục mầm non mới và Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi. Tiếp tục đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

b) Triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm tỷ lệ học sinh yếu kém, khắc phục tình trạng học sinh bỏ học. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng dạy học 2 buổi/ngày, nhất là ở cấp tiểu học.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương pháp dạy và học. Khuyến khích giáo viên, giảng viên soạn bài giảng điện tử và tham gia trao đổi kinh nghiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

d) Duy trì và nâng cao kết quả phổ cập bậc trung học mà thành phố đã đạt. Nâng cao chất lượng các trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm văn hóa ngoài giờ; duy trì, củng cố, thực hiện có hiệu quả trung tâm giáo dục cộng đồng. Tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng nhu cầu học tập cho con em nhân dân, nhất là nhu cầu học tập tin học, ngoại ngữ, xây dựng xã hội học tập trên địa bàn thành phố.

đ) Củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo trung cấp chuyên nghiệp. Gắn việc đào tạo với nhu cầu xã hội. Tích cực hướng nghiệp phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông.

3. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý giáo dục

a) Tiếp tục đổi mới công tác quản lý nhà trường theo hướng xây dựng một nhà trường tiên tiến, hiện đại; tạo điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện tốt hơn quyền chủ động của cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động giáo dục.

b) Xây dựng chiến lược phát triển của từng nhà trường trong giai đoạn 2011 - 2015 và kế hoạch năm học 2010 - 2011 thật cụ thể và chi tiết.

c) Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục nhà trường, rà soát hoàn thành tiến độ tự đánh giá, tiến tới đề nghị thực hiện đánh giá ngoài, góp phần nâng cao học hiệu và chuẩn hóa trong công tác quản lý.

d) Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong việc tổ chức quản lý các hoạt động của nhà trường (thời khóa biểu của giáo viên, tiến độ thực hiện chương trình, thông tin phản hồi từ phụ huynh và học sinh...).

đ) Làm tốt công tác tự kiểm tra, đánh giá và công tác thanh tra chuyên đề, thanh tra đơn tuyến nhằm phát hiện, ngăn chặn và chấn chỉnh kịp thời những vấn đề chưa tốt trong quá trình quản lý của từng đơn vị.

e) Khen thưởng chính xác, kịp thời nhằm động viên, khuyến khích các cá nhân có nhiều sáng kiến cải tiến phương pháp giảng dạy, những cá nhân có nhiều đóng góp trong tiến trình xây dựng một nhà trường tiên tiến, hiện đại.

g) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý tài chính, giao quyền tự chủ cho các trường công lập, khuyến khích các trường công lập tự chủ tài chính khai thác phương thức hoạt động theo hướng cung ứng dịch vụ, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh bằng chất lượng hiệu quả đào tạo.

4. Đầu tư xây dựng hệ thống trường lớp: theo phương châm: “Trường học an toàn, bền vững và hiện đại”.

a) Tích cực triển khai xây dựng hệ thống trường lớp theo đề án quy hoạch mạng lưới trường lớp đã được Ủy ban nhân dân quận - huyện phê duyệt; triển khai nhanh các dự án đầu tư xây dựng trường lớp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Tăng số lượng các trường học có môi trường khang trang, sạch đẹp, trang thiết bị hiện đại, tiện ích và tổ chức sáng tạo các hoạt động giảng dạy, giáo dục đáp ứng nhu cầu hội nhập, phát triển của thành phố.

b) Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để từng bước nâng cấp, xây dựng nhà trường theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa (theo chuẩn khu vực và quốc tế). Tăng cường đầu tư cho các trường giáo dục đặc biệt để các trường phát huy đầy đủ chức năng của mình.

c) Tiếp tục khai thác, thu hút các nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của thành phố. Đồng thời tranh thủ các nguồn lực ngoài xã hội đóng góp tự nguyện, hợp pháp cho việc trang bị, xây dựng các trường học, nhất là các xã, phường khó khăn.

5. Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo

a) Tiếp tục bồi dưỡng về trình độ chính trị và chuyên môn cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới toàn diện nhà trường.

b) Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 15 tháng 6 năm 2004 của Ban Bí thư về “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục”, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, lương tâm, tay nghề của nhà giáo; thông qua việc quản lý, phát triển đúng định hướng và có hiệu quả giáo dục để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

c) Xây dựng tiêu chuẩn, cơ cấu nhân sự với từng chức danh cụ thể để tổ chức đào tạo, tuyển dụng và bồi dưỡng phù hợp. Tăng cường công tác quy hoạch cán bộ nguồn, từ đó có biện pháp đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn sắp tới.

6. Đổi mới công tác tài chính

a) Xây dựng đề án học phí theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ. Chấn chỉnh công tác quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập và ngoài công lập, sử dụng hiệu quả nguồn thu; chấm dứt tình trạng lạm thu dưới mọi hình thức.

b) Tiếp tục khai thác, thu hút các nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo của thành phố. Đồng thời tranh thủ các nguồn lực ngoài xã hội đóng góp tự nguyện, hợp pháp cho việc trang bị, xây dựng các trường học, nhất là vùng khó khăn.

c) Vận động các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm, các đơn vị kinh tế, các mạnh thường quân hỗ trợ học sinh nghèo, con em diện chính sách xã hội, các đối tượng phổ cập giáo dục, đảm bảo trẻ em được đi học, được chăm sóc, được hưởng các chế độ công bằng, bình đẳng và mọi cơ hội trong giáo dục.

7. Quan hệ quốc tế

a) Đẩy mạnh giao lưu quốc tế nhằm thu hút đầu tư, giao lưu hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy, học tập với các nước trong khu vực và các nước có giáo dục phát triển nổi bật.

b) Củng cố và quản lý có hiệu quả các trường quốc tế và các cơ sở giáo dục có yếu tố nước ngoài. Xây dựng và khuyến khích các mô hình giáo dục tiên tiến, hiện đại, hiệu quả đang là xu hướng phát triển đáp ứng đòi hỏi của thành phố trong thời kỳ hội nhập.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở - ngành thành phố, Ủy ban nhân dân các cấp triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ năm học 2010 - 2011./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2010/CT-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2010

CHỈ THỊ

Về tăng cường bảo vệ môi trường nước lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ nay đến năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015

Trong thời gian qua, thành phố đã có nhiều nỗ lực trong việc ngăn ngừa, nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường bằng nhiều giải pháp khác nhau vừa mang tính trước mắt, vừa mang tính lâu dài. Tuy nhiên, tình hình ô nhiễm môi trường trên địa bàn thành phố vẫn diễn biến phức tạp, nhiều vấn đề bức xúc cần phải được tập trung giải quyết, đặc biệt là việc ô nhiễm nguồn nước sông Sài Gòn - Đồng Nai, hệ thống sông, kênh, rạch của thành phố.

Hiện tượng xả các chất thải không qua xử lý, hoặc chưa xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn nhiều; nhiều cơ sở sản xuất có ngành nghề gây ô nhiễm môi trường như dệt nhuộm, giấy, bột giấy, cao su, thuộc da, hóa chất, lương thực, thực phẩm,... nhưng khả năng về xử lý chất thải kém, thường xả thẳng vào nguồn nước các sông, kênh, rạch. Những hoạt động này dù đã được cơ quan chức năng bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra và xử lý nhưng chưa triệt để, sự giám sát còn thiếu đồng bộ. Công tác quản lý nhà nước trong thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường còn hạn chế; chưa kết hợp chặt chẽ việc phát triển kinh tế, đầu tư với bảo vệ môi trường.

Từ những nguyên nhân trên, nhằm từng bước cải thiện chất lượng môi trường sông, kênh, rạch, đặc biệt là hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai trên địa bàn thành phố đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, đáp ứng nguồn cấp nước sạch cho hoạt động kinh tế - xã hội của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Giám đốc các Sở - ban - ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện; lãnh đạo các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thực hiện ngay các giải pháp cấp bách từ nay đến cuối năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015 như sau:

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Giao nhiệm vụ cho Chi cục Bảo vệ môi trường trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc phối hợp với các cơ quan Trung ương liên quan, 11 tỉnh thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai, Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai thực hiện Đề án Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai (gọi tắt là Đề án sông Đồng Nai); đồng thời chủ động, tham mưu tổ chức điều phối triển khai các nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường nhằm thực hiện Đề án sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố có hiệu quả;

b) Chủ trì, phối hợp các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo, đôn đốc thực hiện Đề án sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố, định kỳ 06 tháng tổng hợp báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Tăng cường, hoàn thiện hệ thống quan trắc chất lượng nước mặt trên địa bàn thành phố, hệ thống quan trắc chất lượng nước thải tự động tại các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; thường xuyên thực hiện chương trình quan trắc, giám sát chất lượng môi trường nói chung và chất lượng nước sông, kênh, rạch thành phố; làm đầu mối thông tin, chia sẻ dữ liệu với các Sở - ngành liên quan và các tỉnh, thành trên lưu vực sông Đồng Nai, Ủy ban sông Đồng Nai;

d) Chủ trì và phối hợp với các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra để xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Ngăn ngừa, ngăn chặn sự gia tăng ô nhiễm nguồn nước một cách triệt để; tổ chức bộ máy nhân sự và trang thiết bị nhằm ứng phó sự cố môi trường và giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường;

đ) Nghiên cứu đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển cơ chế cộng đồng tự quản và giám sát môi trường;

e) Chịu trách nhiệm là cơ quan thường trực, tham mưu toàn diện cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình triển khai thực hiện Đề án sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố; theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở - ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm soát các nguồn thải vào hệ thống kênh thủy lợi, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm;

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành liên quan tuyên truyền, vận động người

dân sử dụng đúng và hiệu quả thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp.

3. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân quận - huyện kiểm soát môi trường trong lĩnh vực ngành công thương, các cụm công nghiệp tập trung;

b) Kiểm tra, xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đi đôi với hình thành các cụm công nghiệp bảo đảm các điều kiện về xử lý môi trường.

4. Giám đốc Sở Y tế có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện tăng cường kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các bệnh viện, phòng khám trên địa bàn thành phố;

b) Đẩy mạnh xã hội hóa trong công tác đầu tư hệ thống xử lý nước thải bệnh viện, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Giám đốc Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp lấn chiếm hành lang an toàn giao thông thủy; việc neo đậu buôn bán của các ghe, tàu trên sông, kênh, rạch trái phép và việc xả thải chất thải xuống sông, kênh, rạch.

6. Giám đốc Công an thành phố có trách nhiệm:

Tăng cường công tác kiểm tra môi trường định kỳ, đột xuất tại các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nước nghiêm trọng; có biện pháp xử lý thật kiên quyết, nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm.

7. Giám đốc Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố có trách nhiệm:

Đẩy nhanh công tác lập quy hoạch, dự án đầu tư các hệ thống xử lý nước thải tập trung đô thị; Tăng cường nạo vét, tạo thông thoáng dòng chảy phục vụ tiêu thoát nước của hệ thống kênh, rạch có mức độ ô nhiễm cao; Vận hành hiệu quả các trạm xử lý nước thải tập trung Bình Hưng, Bình Hưng Hòa.

8. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Thực hiện lồng ghép kế hoạch kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản gắn liền với công tác bảo vệ môi trường; chủ trì nghiên cứu cơ chế chính sách khuyến khích các cá nhân, tổ chức đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường. Phối hợp, thống nhất với Sở Tài chính trong việc cân đối, bố trí ngân sách vốn nhà nước và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện có hiệu quả Đề án sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố;

b) Chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương nghiên cứu, đề xuất việc hạn chế hoặc không cấp phép hoạt động mới đối với những ngành nghề có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nguồn nước của các hệ thống sông, kênh, rạch.

9. Giám đốc Sở Tài chính:

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác nhau hàng năm và 05 năm để thực hiện các nhiệm vụ, Đề án sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố đảm bảo đạt hiệu quả và đúng tiến độ.

10. Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp và Trưởng Ban Quản lý Khu Công nghệ cao có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở - ngành liên quan tăng cường công tác thanh kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường các cơ sở hoạt động trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao; đặc biệt là việc đấu nối nước thải của các cơ sở sản xuất vào hệ thống xử lý nước thải tập trung; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền quy định;

b) Kiểm tra việc vận hành thường xuyên của Nhà máy xử lý nước thải tập trung đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý thải ra môi trường; kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền quy định.

11. Giám đốc các Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn: theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý nhà nước của mình xây dựng các cơ chế, chính sách liên quan đến việc phát triển các nhiệm vụ thuộc Đề án sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố.

12. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm:

a) Phối hợp với các Sở - ngành liên quan triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Đề án sông Đồng Nai;

b) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc rà soát, kiện toàn tổ chức ngành tài nguyên môi trường cấp quận - huyện và phường - xã; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật đối với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn.

13. Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện cần quán triệt công tác bảo vệ môi trường nói chung và công tác bảo vệ môi trường nước sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai nói riêng vào kế hoạch, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương trong năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015; phát triển kinh tế - xã hội phải gắn liền với bảo vệ môi trường để đảm bảo phát triển bền vững; giải quyết kịp thời những điểm nóng ô nhiễm môi trường phát sinh theo chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, từng địa phương; kiên quyết không buông lỏng công tác bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc các sở - ngành, quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện nghiêm Chỉ thị này; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đề xuất kịp thời những khó khăn, vướng mắc cho Ủy ban nhân dân thành phố.

14. Chỉ thị này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4329/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án bảo vệ môi trường
lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
năm 2011 và giai đoạn 2011 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 120/2008/NĐ-CP ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về quản lý lưu vực sông;

Căn cứ Quyết định số 187/2007/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2020”;

Căn cứ Quyết định số 157/2008/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 5868/TNMT-QLMT ngày 13 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Kế hoạch triển khai Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2011, giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 2. Kế hoạch triển khai Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông

Đông Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2011, giai đoạn 2011 - 2015 được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với chương trình, đề án, kế hoạch bảo vệ môi trường của các Bộ, ngành Trung ương và Ủy ban Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đông Nai nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Đề án bảo vệ môi trường (BVMT) lưu vực
hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
năm 2011, giai đoạn 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4329/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

A. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN TRONG NĂM 2011

I. Mục tiêu

1. Tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, thái độ, hành vi cư xử tốt với môi trường của cộng đồng dân cư thành phố;
2. Ngăn chặn được sự gia tăng ô nhiễm trên các tuyến sông, kênh, rạch thuộc địa bàn thành phố (về phạm vi không gian và mức độ ô nhiễm); từng bước cải thiện chất lượng nước và phục hồi môi trường tại những khu vực bị ô nhiễm, những điểm nóng về ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn.

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Tăng cường sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với công tác BVMT nói chung và BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai nói riêng; kiện toàn về mặt tổ chức để sẵn sàng triển khai thực hiện tốt Đề án BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020;
2. Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân quận - huyện đối với công tác quản lý và BVMT tại địa phương;
3. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân cư thành phố về BVMT, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn;
4. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT đối với các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao; các cơ sở

sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các bệnh viện, bãi rác, cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc trên địa bàn thành phố;

5. Hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trực tuyến về các nguồn xả thải chính trên địa bàn thành phố vào lưu vực hệ thống sông Đồng Nai để làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát và quản lý chặt chẽ các nguồn thải này ở các giai đoạn tiếp theo;

6. Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và tự làm sạch của hệ thống sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố; phân vùng môi trường nước phục vụ công tác quản lý và cấp phép xả thải;

7. Duy trì chương trình quan trắc chất lượng nước hiện có tại các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố. Đầu tư xây dựng Phòng thí nghiệm phân tích môi trường; hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước mặt; hệ thống quan trắc tự động chất lượng nước thải tại các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao.

8. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt các đề án, dự án BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố để triển khai thực hiện trong những năm tiếp theo;

9. Đảm bảo nguồn kinh phí đầy đủ, kịp thời để triển khai thực hiện tốt các hoạt động của Đề án.

III. Các nhiệm vụ, dự án cụ thể cần ưu tiên thực hiện năm 2011

Đến cuối năm 2011, thành phố sẽ tổ chức triển khai thực hiện 32 nhiệm vụ, dự án ưu tiên thuộc 9 nội dung công tác nhằm từng bước BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố với tổng kinh phí dự kiến khoảng 56,668 tỷ đồng từ nguồn ngân sách sự nghiệp môi trường của thành phố (không kể các nguồn khác).

TT	Nội dung công tác	Số nhiệm vụ cần thực hiện	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)
01	Tổ chức, điều hành	03	0,3
02	Điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý nhà nước về BVMT lưu vực sông	04	7,2

03	Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường	02	1,168
04	Công tác quan trắc và chia sẻ thông tin môi trường	09	39,5
05	Công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm BVMT lưu vực sông	02	2,4
06	Công tác bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ và phục hồi cảnh quan môi trường lưu vực sông	01	0,4
07	Công tác thu phí BVMT đối với nước thải và thu thuế khai thác sử dụng tài nguyên nước	02	Nhiệm vụ thường xuyên
08	Phối hợp, hợp tác với các Bộ, ngành và các địa phương về BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai	03	0,7
09	Xây dựng, thẩm định và phê duyệt các đề án, dự án BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn TP.HCM để triển khai thực hiện những năm tiếp theo	06	5,0 (*)
Tổng cộng		32	56,668

Ghi chú:

(*) Không kể kinh phí lập, thẩm định và phê duyệt 07 dự án đầu tư nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt còn lại của thành phố theo Quy hoạch tổng thể thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2011 - 2015**I. Mục tiêu**

1. Đảm bảo nguồn nước sông Sài Gòn đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 08:2008/BTNMT về chất lượng nước mặt;
2. Đảm bảo nguồn nước sông Đồng Nai đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 08:2008/BTNMT về chất lượng nước mặt;
3. Cải thiện đáng kể tình trạng ô nhiễm môi trường tại các kênh, rạch nội thành

và một số kênh, rạch khu vực ngoại thành, khơi thông dòng chảy tự nhiên của các kênh, rạch, phấn đấu 100% kênh, rạch nội thành đạt tiêu chuẩn chất lượng nước dành cho mục đích giao thông thủy (tương ứng với cột B2 của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2008/BTNMT), các sông, kênh, rạch còn lại đạt mức chất lượng nước sạch tự nhiên.

II. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Kiểm soát và quản lý chặt chẽ các nguồn xả thải có tiềm năng gây ô nhiễm cao vào hệ thống sông Đồng Nai thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh:

- Đảm bảo 100% Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao của thành phố có hệ thống xử lý nước thải tập trung, thực hiện đầu nổi hoàn chỉnh, vận hành thường xuyên, nước thải sau xử lý có chất lượng ổn định và đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về xả thải;

- Thu gom và xử lý phân lớn lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thành phố tại các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung (theo Quy hoạch tổng thể thoát nước đô thị thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2001). Đảm bảo đến cuối năm 2015, các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung của thành phố đều được chuẩn bị đầu tư, xây dựng;

- Đạt 100% bệnh viện, trung tâm y tế đóng trên địa bàn thành phố có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về xả thải;

- Đạt 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bên ngoài Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao có phát sinh nước thải phải có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về xả thải;

- Tất cả các bãi rác, khu liên hợp xử lý chất thải, các trang trại chăn nuôi, các cơ sở giết mổ gia súc - gia cầm của thành phố có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành về xả thải;

- Chất thải từ các ao, hầm nuôi thủy sản phải được xử lý đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành trước khi thải ra môi trường bên ngoài;

- Kiểm soát và quản lý chặt chẽ việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong nông nghiệp; khuyến khích phát triển các mô hình nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao;

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tránh trường hợp đổ bỏ không đúng nơi quy định gây ô nhiễm môi trường.

2. Phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các tỉnh trong lưu vực và các cơ quan chức năng ở Trung ương trong việc kiểm tra, giám sát các nguồn xả thải vào hệ thống sông Đồng Nai ngoài địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; kiểm soát sự lan truyền ô nhiễm xuyên địa bàn, kiểm soát lũ và xâm nhập mặn ở vùng hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai; phòng ngừa và ứng cứu sự cố tràn dầu; chia sẻ thông tin môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT đối với các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các bệnh viện, bãi rác, cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc trên địa bàn thành phố.

4. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện các dự án đã triển khai có liên quan đến môi trường nước của thành phố:

- Dự án vệ sinh môi trường thành phố (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè) giai đoạn 1 và giai đoạn 2;

- Dự án cải thiện môi trường nước thành phố (lưu vực Tàu Hũ - Bến Nghé - Đồi - Tê) giai đoạn 2;

- Dự án nâng cấp đô thị (lưu vực Tân Hóa - Lò Gốm);

- Dự án tiêu thoát nước và cải thiện môi trường lưu vực kênh Tham Lương - Bến Cát - rạch Nước Lên;

- Dự án cải tạo kênh Ba Bò;

- Các dự án xử lý nước thải bệnh viện.

5. Tiếp tục chương trình giải tỏa, tái định cư cho các khu nhà lụp xụp xây cất lấn chiếm kênh, rạch thoát nước của thành phố.

6. Cải tạo, phục hồi môi trường cho những đoạn sông, kênh, rạch bị ô nhiễm nghiêm trọng ngoài phạm vi của các dự án đã nêu trong mục (4) ở trên.

7. Tổ chức triển khai thực hiện 05 đề án và 07 dự án BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố sau khi hoàn tất việc xây dựng, thẩm tra và được cơ quan thẩm quyền phê duyệt gồm:

- Đề án Quy hoạch BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

- Đề án BVMT nước sông Sài Gòn phục vụ an toàn cho mục đích cấp nước và bảo vệ cảnh quan đô thị ven sông;

- Đề án bảo tồn rừng ngập mặn và đa dạng sinh học khu vực huyện Cần Giờ;
- Đề án lồng ghép nội dung BVMT vào chương trình giáo dục các cấp (từ mầm non đến lớp 12) trên địa bàn thành phố;
- Đề án xây dựng và triển khai mô hình quản lý, bảo vệ môi trường lưu vực sông dựa vào cộng đồng - Thử nghiệm ở lưu vực rạch Văn Thánh;
- 07 dự án đầu tư nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung còn lại của thành phố theo Quy hoạch tổng thể thoát nước và xử lý nước thải đô thị thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

8. Tổ chức triển khai thực hiện bước 1 các hợp phần của dự án Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó ưu tiên cho các hạng mục công trình thuộc vùng bờ phải sông Sài Gòn - Nhà Bè kéo dài đến giáp với sông Vàm Cỏ Đông - Vàm Cỏ ở phía Tây và Tây Nam thành phố (Vùng I) gồm:

- Hệ thống đê bao;
- Hệ thống công kiểm soát mực nước;
- Cải tạo các kênh trục chính;
- Các hồ điều tiết.

9. Triển khai công tác quan trắc môi trường nước hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn thành phố theo chương trình quan trắc mới được điều chỉnh, bổ sung; đầu tư lắp đặt các thiết bị quan trắc và truyền dữ liệu tự động tại các khu vực nhạy cảm (các điểm lấy nước vào nhà máy nước, các khu vực giáp ranh giữa thành phố và các tỉnh lân cận như: Đồng Nai, Bình Dương, Tây Ninh, Long An, Bà Rịa - Vũng Tàu).

10. Duy trì thường xuyên công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân cư thành phố về BVMT, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

11. Đảm bảo nguồn kinh phí đầy đủ, kịp thời để triển khai thực hiện tốt các hoạt động của Đề án trong giai đoạn năm 2011 - 2015.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Làm đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong hoạt động phối hợp với các cơ quan Trung ương, các tỉnh trong lưu vực, Văn phòng Ủy ban Bảo vệ

môi trường lưu vực sông Đồng Nai thực hiện Đề án sông Đồng Nai; tham mưu tổ chức điều phối triển khai các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức thực hiện Kế hoạch, định kỳ hàng năm tổng hợp và báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân thành phố;

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, dự án thực hiện Kế hoạch, phù hợp với chương trình, đề án, kế hoạch BVMT của Trung ương và thành phố Hồ Chí Minh;

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về BVMT; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra để xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Thực hiện lồng ghép kế hoạch kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản với công tác BVMT; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường. Phối hợp, thống nhất với Sở Tài chính trong việc cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác thực hiện Kế hoạch.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác để thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch, bảo đảm đạt hiệu quả và đúng tiến độ.

4. Giám đốc các Sở - ngành: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Giao thông vận tải, Trung tâm Điều hành Chương trình chống ngập nước thành phố, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn và các Sở - ngành liên quan khác:

Chủ động xây dựng các cơ chế, chính sách, kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, dự án theo chức năng và phạm vi quản lý của mình và theo sự phân công của Kế hoạch.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện:

- Phối hợp với các Sở - ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch và tham gia thực hiện Kế hoạch theo sự phân công;

- Phân bổ chi ngân sách cho hoạt động triển khai các nhiệm vụ, dự án của Kế hoạch, phù hợp với yêu cầu thực tế của địa phương;

- Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra các bến bãi, điểm neo đậu ghe tàu không đúng quy hoạch, kể cả hành vi xả rác thải xuống sông, kênh, rạch để xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn và các cơ quan, tổ chức liên quan ở địa phương tăng cường công tác BVMT lưu vực hệ thống sông Đồng Nai tại địa phương nói riêng và công tác BVMT trên địa bàn nói chung./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2010/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 14 tháng 9 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 14 tháng 5 năm 2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành Quy chế mẫu của Trung tâm dạy nghề;

Căn cứ Quyết định số 3577/1998/QĐ-UB-NC ngày 10 tháng 7 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dạy nghề huyện tại Công văn số 19/TTDN ngày 17 tháng 8 năm 2010 và Trưởng Phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 63//TTr-NV ngày 11 tháng 9 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ.

Bãi bỏ Quyết định số 34/2004/QĐ-UB ngày 07 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Giám đốc Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ, Trưởng Phòng Nội vụ huyện, Thủ trưởng các ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)*

Chương I

VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Vị trí:

Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghề nghiệp, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ; đồng thời chịu sự hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh; Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước huyện để hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Chức năng:

Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ có chức năng tổ chức dạy nghề và bồi dưỡng nghề, nhằm nâng cao tay nghề cho nhân dân lao động, góp phần vào việc giải quyết việc làm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Điều 2. Nhiệm vụ

Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ có nhiệm vụ:

1. Tổ chức thực hiện chỉ tiêu đào tạo nghề theo kế hoạch hàng năm, 5 năm được Ủy ban nhân dân huyện giao phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2. Tổ chức xây dựng kế hoạch và thực hiện các lớp dạy nghề ngắn hạn, chương trình, giáo trình giảng dạy đối với ngành nghề được phép đào tạo.

3. Tổ chức dạy nghề ngắn hạn, bổ túc, bồi dưỡng, tập huấn nghề, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất cho mọi đối tượng có nhu cầu.

4. Tổ chức các hoạt động dạy và học; kiểm tra, cấp chứng chỉ sơ cấp nghề theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

5. Quản lý đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên đủ về số lượng; phù hợp với ngành nghề, quy mô đào tạo theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật.

6. Tư vấn học nghề, tư vấn việc làm miễn phí cho người học nghề.

7. Thực hiện sản xuất, kinh doanh và dịch vụ khoa học, kỹ thuật theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học nghề trong hoạt động dạy nghề; tổ chức cho người học nghề tham quan, thực tập tại doanh nghiệp.

9. Tổ chức cho giáo viên, cán bộ, nhân viên và người học nghề tham gia các hoạt động xã hội.

10. Thực hiện dân chủ, công khai trong việc thực hiện các nhiệm vụ dạy nghề, ứng dụng khoa học công nghệ vào dạy nghề và hoạt động tài chính.

11. Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định.

13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyền hạn

1. Được chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển Trung tâm phù hợp với chiến lược phát triển dạy nghề và quy hoạch mạng lưới các trung tâm dạy nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

2. Được tổ chức đào tạo các chương trình dạy nghề thường xuyên theo quy định của pháp luật.

3. Được liên doanh, liên kết hoạt động dạy nghề với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài để tổ chức đào tạo, bổ túc và bồi dưỡng nghề theo quy định của pháp luật.

4. Được huy động, nhận tài trợ, quản lý, sử dụng các nguồn lực theo quy định của pháp luật nhằm thực hiện các hoạt động dạy nghề.

5. Sử dụng nguồn thu từ hoạt động kinh tế để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Trung tâm, chi cho các hoạt động dạy nghề và bổ sung nguồn tài chính của Trung tâm.

6. Thực hiện các quyền tự chủ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II **TỔ CHỨC BỘ MÁY**

Điều 4. Bộ máy quản lý, điều hành của Trung tâm bao gồm

1. Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ có Giám đốc và các Phó Giám đốc.

a) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Trung tâm.

b) Các Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công.

c) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc và các Phó Giám đốc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Giúp việc cho Ban Giám đốc có các phòng trực thuộc gồm:

- Phòng Hành chính - Quản trị.

- Phòng Giáo vụ - Đào tạo.

- Phòng Tuyển sinh - Giới thiệu việc làm.

Điều 5. Nhiệm vụ của Giám đốc

Giám đốc là người chịu trách nhiệm quản lý và điều hành các hoạt động của Trung tâm theo quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Giám đốc có những nhiệm vụ sau đây:

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy nghề, bổ túc nghề và bồi dưỡng nghề.

2. Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, tài chính của Trung tâm và tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực huy động được để phục vụ hoạt động dạy nghề theo quy định của pháp luật.

3. Thường xuyên chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, giảng dạy, học tập cho cán bộ, nhân viên, giáo viên và người học.

4. Tổ chức và chỉ đạo xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh; đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội trong Trung tâm.

5. Thực hiện quy chế dân chủ trong Trung tâm; thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước đối với cán bộ, giáo viên và người học trong Trung tâm.

6. Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền hạn của Giám đốc

1. Là chủ tài khoản của Trung tâm Dạy nghề.

2. Đề nghị cơ quan quản lý cấp trên có thẩm quyền về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Được quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các Trưởng, Phó phòng của Trung tâm Dạy nghề Cần Giờ.

3. Đề xuất với cơ quan cấp trên có thẩm quyền, chủ đầu tư về: các chủ trương, biện pháp có liên quan đến hoạt động của Trung tâm Dạy nghề; sử dụng các nguồn vốn tự có dành cho việc phát triển cơ sở vật chất (như: mua sắm, chuyển đổi trang thiết bị cho phù hợp với yêu cầu hoạt động dạy nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề) và cải thiện đời sống cho cán bộ, giáo viên, nhân viên công tác tại Trung tâm theo quy định của pháp luật.

4. Ký hợp đồng lao động với giáo viên, cán bộ, nhân viên Trung tâm; hợp đồng học nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề với người học theo quy định của pháp luật.

5. Ký hợp đồng liên kết với cơ sở dạy nghề khác; cơ sở sản xuất, kinh doanh, nghiệp vụ trong hoạt động dạy nghề, bổ túc, bồi dưỡng nghề hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

6. Cấp chứng chỉ nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghề cho người học đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra cuối khóa.

7. Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp quản lý.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Giám đốc

1. Giúp việc Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các phần việc được phân công. Trực tiếp phụ trách quản lý công tác đào tạo, bố trí giáo viên, cán bộ, nhân viên về chế độ chính sách, chế độ học tập, làm việc và chăm lo đời sống giáo viên, cán bộ, nhân viên.

2. Thừa lệnh Giám đốc ký văn bản trong phạm vi, lĩnh vực được phân công.

3. Thay mặt Giám đốc điều hành, giải quyết công việc cơ quan khi Giám đốc đi công tác, nghỉ phép (từ 3 ngày trở lên và phải có văn bản ủy quyền).

4. Khi giải quyết công việc có liên quan đến các lĩnh vực khác hoặc vượt quá thẩm quyền phải báo cáo Giám đốc.

Điều 8. Nhiệm vụ của Phòng Hành chính - Quản trị

1. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác, lịch làm việc cho Trung tâm; thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin; thực hiện các hoạt động tác nghiệp hành chính; quản lý văn bản, lập hồ sơ, thực hiện công tác lưu trữ.

2. Định kỳ xây dựng báo cáo tháng, quý, năm. Xây dựng dự thảo báo cáo công tác dạy nghề trình Ban Giám đốc.

3. Tổ chức đối nội, đối ngoại; Đảm bảo nhu cầu kinh phí, chi tiêu kinh phí, quản lý tài sản vật tư của Trung tâm.

4. Lập kế hoạch thu - chi hàng tháng, quý, năm của Trung tâm; thực hiện các khoản thu, chi; lập quyết toán hàng quý, hàng năm theo đúng quy định về chế độ kế toán - tài chính của Nhà nước.

5. Tổ chức kiểm tra các khoản thu và việc chi tiêu các khoản tiền vốn, sử dụng vật tư, thiết bị và tài sản khác của tất cả các bộ phận trong Trung tâm; tổ chức định kỳ kiểm kê, đánh giá tài sản, thiết bị kỹ thuật theo quy định của Nhà nước.

Điều 9. Nhiệm vụ của Phòng Giáo vụ - Đào tạo

1. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề; nội dung, chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp theo quy định.

2. Tham mưu giúp Ban Giám đốc về công tác dạy nghề và liên kết dạy nghề.

3. Tổ chức dạy nghề và bồi dưỡng nghề theo hợp đồng học nghề, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật công nghệ mới, kinh nghiệm sản xuất tiên tiến cho các đối tượng có nhu cầu.

4. Triển khai dạy nghề cho các đối tượng chính sách xã hội theo quy định.

5. Tổ chức thi và xét cấp chứng chỉ đào tạo nghề.

6. Quản lý giáo viên, học viên, trang thiết bị phục vụ đào tạo dạy nghề được Trung tâm giao. Khai thác sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo, dạy nghề.

7. Tham mưu đề xuất Ban Giám đốc về tổ chức và hỗ trợ giáo viên tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, sư phạm.

Điều 10. Nhiệm vụ của Phòng Tuyển sinh - Giới thiệu việc làm

1. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm theo nhu cầu và năng lực đào tạo của Trung tâm.

2. Tổ chức tuyển sinh học nghề theo quy định.

3. Tư vấn giới thiệu việc làm cho người lao động và học nghề.

4. Phối hợp với cơ quan, xí nghiệp, đơn vị sản xuất kinh doanh nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động để thông báo đến các đối tượng có nhu cầu tìm việc làm.

Điều 11. Nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên Trung tâm Dạy nghề

Cán bộ, nhân viên của Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giò có nghĩa vụ thực hiện nghiêm các nhiệm vụ được giao, được hưởng các quyền lợi theo quy định của Nhà nước và theo hợp đồng đã ký kết.

Chương III

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY NGHỀ

Điều 12. Nghề đào tạo

Trung tâm Dạy nghề đào tạo các nghề ở trình độ sơ cấp theo yêu cầu của thị trường lao động. Hàng năm căn cứ vào nhu cầu đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp trong sản xuất, dịch vụ của thị trường lao động, Trung tâm Dạy nghề kịp thời điều chỉnh quy mô, nghề đào tạo của Trung tâm.

Điều 13. Chương trình và giáo trình

1. Tổ chức xây dựng, ban hành chương trình dạy nghề trình độ sơ cấp và các chương trình dạy nghề thường xuyên.

2. Thường xuyên đánh giá, cập nhật, bổ sung chương trình, giáo trình dạy nghề phù hợp với kỹ thuật, công nghệ sản xuất và dịch vụ.

3. Tổ chức biên soạn và ban hành giáo trình dạy nghề hoặc sử dụng giáo trình dạy nghề của các cơ sở dạy nghề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Tuyển sinh

1. Xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm phù hợp với ngành nghề phục vụ sự phát triển của địa phương và năng lực đào tạo của Trung tâm.

2. Tổ chức tuyển sinh học nghề theo Quy chế tuyển sinh học nghề do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Điều 15. Kiểm tra và đánh giá

Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tu dưỡng của người học theo Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

Điều 16. Cấp và quản lý chứng chỉ sơ cấp nghề

Thực hiện cấp chứng chỉ sơ cấp nghề theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương IV

GIÁO VIÊN, CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Điều 17. Tiêu chuẩn và trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề

1. Giáo viên dạy nghề của Trung tâm phải có phẩm chất, đạo đức tốt; đạt trình độ chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này; đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; lý lịch bản thân rõ ràng.

2. Trình độ chuẩn của giáo viên dạy nghề:

- Giáo viên dạy lý thuyết trình độ sơ cấp nghề phải có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên; giáo viên dạy thực hành phải là người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên hoặc là nghệ nhân, người có tay nghề cao;

- Giáo viên dạy nghề nếu không có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm kỹ thuật hoặc Đại học Sư phạm kỹ thuật thì phải có chứng chỉ Sư phạm dạy nghề.

Điều 18. Nhiệm vụ của giáo viên

1. Giảng dạy theo đúng nội dung, chương trình quy định và kế hoạch được giao.

2. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật; chấp hành Quy chế, Nội quy của Trung tâm; tham gia các hoạt động chung của Trung tâm và với địa phương nơi Trung tâm đặt trụ sở.

3. Thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; rèn luyện phẩm chất đạo đức; giữ gìn uy tín, danh dự của nhà giáo.

4. Tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng với người học; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học nghề.

5. Chịu sự giám sát của Trung tâm về nội dung, chất lượng, phương pháp giảng dạy.

6. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quyền của giáo viên

1. Được bố trí giảng dạy phù hợp với chuyên ngành được đào tạo và kế hoạch được giao.

2. Được lựa chọn phương pháp, phương tiện giảng dạy nhằm phát huy năng lực cá nhân, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo.

3. Được sử dụng giáo trình, tài liệu, học liệu dạy nghề, cơ sở vật chất kỹ thuật của Trung tâm để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

4. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật. Được đi thực tế sản xuất, tiếp cận công nghệ mới.

5. Được tôn trọng danh dự, nhân phẩm. Được tham gia bàn bạc, thảo luận, góp ý về các chủ trương, kế hoạch phát triển dạy nghề, xây dựng chương trình, giáo trình, nội dung, phương pháp dạy nghề, tổ chức quản lý của Trung tâm và các vấn đề liên quan đến quyền lợi của giáo viên.

6. Được hợp đồng thỉnh giảng và thực nghiệm khoa học tại các cơ sở dạy nghề, cơ sở giáo dục khác, nhưng phải bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 22 của Quy chế này.

7. Được hưởng các chính sách quy định tại các Điều 80, 81 và 82 của Luật Giáo dục.

8. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, nhân viên

Cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý, phục vụ tại Trung tâm Dạy nghề có nghĩa vụ thực hiện nghiêm các nhiệm vụ, chức trách được phân công; được hưởng các quyền lợi theo quy định của pháp luật và trong hợp đồng lao động.

Điều 21. Việc tuyển dụng giáo viên và cán bộ, nhân viên

Giáo viên và cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý, phục vụ tại Trung tâm Dạy nghề được tuyển dụng theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật lao động.

Chương V **NGƯỜI HỌC NGHỀ**

Điều 22. Người học nghề

Người học có nhu cầu học nghề trình độ sơ cấp, bổ túc nghề, bồi dưỡng nghề và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được giao kết hợp đồng học nghề với Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.

Điều 23. Nhiệm vụ của người học nghề

1. Học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch đào tạo của Trung tâm.
2. Tôn trọng giáo viên, cán bộ và nhân viên; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập; thực hiện Quy chế, Nội quy của Trung tâm, chấp hành pháp luật của Nhà nước.
3. Đóng học phí theo quy định.
4. Tham gia lao động và hoạt động xã hội, hoạt động bảo vệ môi trường.
5. Giữ gìn, bảo vệ tài sản của Trung tâm, của cơ sở sản xuất nơi thực hành, thực tập.
6. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động.
7. Thực hiện nghĩa vụ làm việc có thời hạn theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện nếp sống văn minh, lành mạnh; tham gia xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của Trung tâm.

Điều 24. Quyền của người học nghề

1. Được học tập, rèn luyện theo mục tiêu dạy nghề hoặc hợp đồng học nghề đã giao kết với Trung tâm.
2. Được bảo lưu kết quả học tập theo quy định của pháp luật.
3. Được Trung tâm tôn trọng và đối xử bình đẳng, được cung cấp đầy đủ thông tin về việc học tập, rèn luyện của mình.
4. Được cấp chứng chỉ sơ cấp nghề theo quy định.

5. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trung tâm.

6. Được sử dụng thiết bị, phương tiện của Trung tâm, của cơ sở sản xuất phục vụ việc học tập, thực hành, thực tập nghề và các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Được bảo đảm các điều kiện về an toàn, vệ sinh lao động trong quá trình học tập, thực hành, thực tập nghề theo quy định của pháp luật.

7. Được trực tiếp hoặc thông qua đại diện hợp pháp của tập thể người học nghề kiến nghị với Trung tâm về các giải pháp góp phần xây dựng Trung tâm, bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của mình.

8. Được hưởng các chính sách đối với người học nghề theo quy định của pháp luật.

Chương VI

TÀI SẢN VÀ TÀI CHÍNH

Điều 25. Quản lý và sử dụng tài sản

1. Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ quản lý và sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật đối với đất đai, nhà cửa, công trình xây dựng, các cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ, thiết bị, tài sản được Nhà nước giao và những tài sản do Trung tâm đầu tư, mua sắm, xây dựng hoặc được biếu, tặng, tài trợ, viện trợ để đảm bảo các hoạt động dạy nghề của Trung tâm.

2. Hàng năm, Trung tâm Dạy nghề phải tổ chức kiểm kê, đánh giá lại giá trị tài sản của Trung tâm và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Nguồn tài chính

1. Do ngân sách Nhà nước cấp.
2. Thu từ hoạt động sự nghiệp của Trung tâm.
3. Các nguồn viện trợ, tài trợ.
4. Các nguồn khác.

Điều 27. Nội dung chi

1. Chi thường xuyên;
2. Chi không thường xuyên.

Điều 28. Quản lý tài chính

Trung tâm Dạy nghề thực hiện việc quản lý tài chính theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương VII

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 29. Chế độ làm việc

1. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo chế độ thủ trưởng; các Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc; các phòng trực thuộc có trách nhiệm giúp việc cho Ban Giám đốc theo nhiệm vụ được phân công.

2. Tất cả cán bộ, viên chức của Trung tâm chấp hành nghiêm thời gian làm việc, nghỉ lễ, nghỉ phép theo quy định; ngoài ra theo yêu cầu công việc, cán bộ, viên chức có thể làm thêm ngoài giờ hành chính, chủ nhật, ngày lễ... Khi làm việc ngoài giờ hoặc ngày nghỉ được tính chế độ nghỉ bù và các chế độ đãi ngộ khác theo quy định.

3. Trưởng các phòng trực tiếp quản lý, điều hành phân công cán bộ, viên chức ở phòng mình.

4. Cán bộ, viên chức thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức.

Điều 30. Chế độ hội, họp

1. Ban Giám đốc có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp do cấp trên triệu tập.

2. Giám đốc Trung tâm duy trì chế độ họp giao ban đơn vị định kỳ mỗi tháng một lần để nắm tình hình hoạt động trong tháng và triển khai chương trình công tác tháng tới. Ngoài ra tùy theo yêu cầu có thể họp đột xuất để phổ biến, triển khai công tác.

3. Hàng tuần Ban Giám đốc hội ý với các Trưởng phòng, Trưởng các đoàn thể để nắm tình hình và triển khai công tác tuần tới, giải quyết khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 31. Chế độ thông tin báo cáo

1. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ chế độ thông tin báo cáo tháng, quý, sơ kết 6 tháng, tổng kết năm cho Ủy ban nhân dân huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

2. Hàng năm xây dựng kế hoạch kinh phí, công khai kinh phí được cấp và thanh quyết toán ngân sách theo quy định tài chính.

Điều 32. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố: chịu sự quản lý, hướng dẫn kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ và báo cáo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của Sở.

2. Đối với Ủy ban nhân dân huyện: chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân huyện. Ban Giám đốc Trung tâm nhận sự chỉ đạo và có nhiệm vụ báo cáo với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về tình hình tổ chức thực hiện nhiệm vụ dạy nghề. Trong quá trình hoạt động nếu gặp khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo đề xuất xin ý kiến chỉ đạo.

3. Đối với các phòng, ban chuyên môn, đoàn thể huyện: có mối quan hệ chặt chẽ và có trách nhiệm phối hợp hỗ trợ nhau cùng thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách về đào tạo nghề, giới thiệu việc làm theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện.

4. Đối với Ủy ban nhân dân xã - thị trấn: cùng có trách nhiệm phối hợp thực hiện tốt công tác tư vấn nghề, chiêu sinh, tuyển sinh, giới thiệu việc làm cho người lao động có nhu cầu.

5. Đối với các đơn vị ngoài huyện: phối hợp liên kết, liên doanh để thực hiện tốt nhiệm vụ dạy nghề, giới thiệu việc làm, tổ chức sản xuất, cung ứng các dịch vụ phù hợp với ngành nghề đào tạo, khai thác các nguồn lực để duy trì và phát triển Trung tâm.

6. Quan hệ với gia đình người học nghề: Trung tâm có trách nhiệm thông báo công khai kế hoạch, chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển sinh học nghề và các chính sách, chế độ đối với người học nghề hàng năm; chủ động phối hợp với gia đình người học nghề để làm tốt công tác giáo dục đối với người học nghề nhằm phát triển toàn diện nhân cách của người học.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giờ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động của

Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giò sau khi được Ủy ban nhân dân huyện quyết định ban hành. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, Giám đốc Trung tâm Dạy nghề huyện Cần Giò đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế cho phù hợp sau khi có sự trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2010/QĐ-UBND

Cần Giờ, ngày 04 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế về quản lý và sử dụng
nhà ở công vụ trên địa bàn huyện Cần Giờ**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội khóa XII về thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện - quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 724/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về danh sách huyện, quận, phường của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết và thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và Trưởng Phòng Công Thương huyện và ý kiến của Trưởng Phòng Tư pháp huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản “Quy chế về quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn huyện Cần Giờ”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Công Thương, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Về quản lý và sử dụng nhà ở công vụ trên địa bàn huyện Cần Giờ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2010/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ để phục vụ nhu cầu về nhà ở cho cán bộ, công chức trong thời gian công tác tại huyện Cần Giờ, áp dụng đối với các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà công vụ và người sử dụng nhà ở công vụ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhà ở công vụ.

Nhà ở công vụ là tài sản thuộc sở hữu Nhà nước, bao gồm nhà, đất đã xác lập sở hữu Nhà nước hoặc xây dựng mới từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các trang thiết bị gắn liền với căn nhà, căn hộ sử dụng làm chỗ ở và sinh hoạt cho cán bộ, công chức trong thời gian công tác tại huyện Cần Giờ.

2. Các cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà ở công vụ.

a) Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện là cơ quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý Nhà nước đối với toàn bộ tài sản nhà ở công vụ trên địa bàn huyện Cần Giờ.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý trực tiếp nhà ở công vụ theo thẩm quyền được phân cấp.

3. Người sử dụng nhà ở công vụ.

Người sử dụng nhà ở công vụ là cán bộ, công chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, giáo viên, bác sĩ, nhân viên y tế, sỹ quan, quân

nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trực thuộc sự quản lý của huyện được cơ quan có thẩm quyền bố trí cho thuê nhà ở công vụ để ở, sinh hoạt trong thời gian công tác tại huyện theo những điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Quy chế này.

4. Bố trí sử dụng nhà ở công vụ trong Quy chế này là cho thuê nhà công vụ để ở.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ

1. Quản lý, sử dụng nhà ở công vụ đúng mục đích, đối tượng và tiêu chuẩn quy định.

2. Nhà ở công vụ chỉ được sử dụng dưới hình thức cho thuê để làm chỗ ở cho cán bộ, công chức trong thời gian công tác tại huyện Cần Giờ, áp dụng đối với các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức theo yêu cầu công tác.

3. Bố trí sử dụng nhà ở công vụ trên cơ sở cân đối nhu cầu của cán bộ, công chức và nguồn quỹ nhà ở công vụ của huyện.

Chương II

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 4. Đối tượng sử dụng nhà ở công vụ

Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, giáo viên, bác sĩ, nhân viên y tế, sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân trực thuộc sự quản lý của huyện được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác trên địa bàn huyện nhưng nơi làm việc xa nơi có hộ khẩu thường trú.

Điều 5. Điều kiện để được sử dụng nhà ở công vụ

Để được thuê sử dụng nhà ở công vụ, cán bộ, công chức phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái đến công tác tại huyện Cần Giờ của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Nơi làm việc xa nơi thường trú:

- Khoảng cách giữa nơi công tác và nhà ở (nơi thường trú) từ 20km trở lên đối với tuyến đường giao thông không thuận tiện; từ 30km trở lên đối với tuyến đường

giao thông thuận tiện và chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình hoặc chưa hưởng chế độ, chính sách về nhà ở, đất ở của huyện tại địa phương nơi đang công tác.

- Các trường hợp đặc thù khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện xem xét quyết định.

Điều 6. Tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ

Căn cứ vào chức vụ, cấp bậc, ngạch công chức khi được bổ nhiệm, điều động, biệt phái, luân chuyển, cán bộ, công chức đủ điều kiện thuê nhà ở công vụ sẽ được thuê diện tích sử dụng nhà ở công vụ theo tiêu chuẩn sau:

1. Bí thư và Phó Bí thư Huyện ủy; Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện sẽ sử dụng mỗi người một phòng.

2. Cán bộ cấp Trưởng, Phó các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của huyện và tương đương sẽ sử dụng chung từ 02 đến 03 người cho một phòng với diện tích sử dụng bình quân khoảng 15 m²/người.

3. Cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên, bác sĩ, nhân viên y tế và tương đương sẽ sử dụng chung từ 03 đến 04 người cho một phòng với diện tích sử dụng bình quân khoảng 10 - 12 m²/người.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ Ở CÔNG VỤ

Điều 7. Nhà công vụ phải được sử dụng đúng mục đích

1. Tất cả nhà ở công vụ trên địa bàn huyện được quản lý theo danh sách do Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

2. Nhà ở công vụ chỉ được sử dụng vào mục đích để ở và sinh hoạt trong thời gian người sử dụng công tác tại huyện Cần Giờ, không sử dụng vào mục đích khác. Nhà ở công vụ không được chuyển thành tài sản của doanh nghiệp, tổ chức hoặc sở hữu của cá nhân.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý nhà ở công vụ

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

a) Theo dõi, quản lý đối với toàn bộ tài sản nhà ở công vụ tại huyện Cần Giờ.

b) Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký thuê nhà ở công vụ của cán bộ, công chức; phối hợp với Phòng Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, tham

murU Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định cho thuê sử dụng và thu hồi nhà ở công vụ.

c) Hướng dẫn cho cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp nhà ở công vụ thực hiện ký hợp đồng thuê nhà và bàn giao nhà cho cán bộ, công chức, thanh lý hợp đồng thuê nhà và thu hồi nhà đối với trường hợp phải thu hồi nhà.

d) Kiểm tra thường xuyên hoặc định kỳ việc quản lý, bàn giao sử dụng, thu hồi nhà ở công vụ của các cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp nhà ở công vụ và báo cáo, đề xuất hình thức xử lý trình Ủy ban nhân dân huyện đối với các vi phạm (nếu có) của các cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp nhà ở công vụ và người sử dụng nhà ở công vụ.

e) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện giải quyết khiếu nại của cán bộ, công chức liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ theo quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp nhà ở công vụ:

a) Trực tiếp quản lý nhà ở công vụ và việc sử dụng nhà ở công vụ của người thuê. Ký hợp đồng thuê nhà, bàn giao nhà ở công vụ cho người được thuê; thanh lý hợp đồng, thu hồi nhà ở công vụ theo quyết định của Ủy ban nhân dân huyện và hướng dẫn của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.

b) Quản lý tài sản, máy móc được trang bị trong nhà ở công vụ theo đúng quy định. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn khu vực nhà ở công vụ, thực hiện nghiêm túc quy định về phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường.

c) Ban hành Nội quy sử dụng nhà ở công vụ. Thông báo, kiểm tra và yêu cầu người thuê biết và chấp hành nghiêm Quy chế quản lý sử dụng nhà ở công vụ, Nội quy sử dụng nhà ở công vụ, hướng dẫn người thuê thực hiện việc đăng ký cư trú theo quy định.

d) Trực tiếp thu tiền thuê nhà theo quy định về giá cho thuê nhà công vụ, tiền dịch vụ (phí vệ sinh, giữ xe...) hàng tháng và nộp vào ngân sách nhà nước theo hướng dẫn của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. Hướng dẫn người thuê nhà các thủ tục trả tiền sử dụng điện, điện thoại, nước sinh hoạt, các khoản thu phí khác (nếu có) theo quy định.

đ) Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và các đơn vị có liên quan lập kế hoạch đánh giá chất lượng, đề xuất Thường trực Ủy ban nhân dân huyện sửa chữa định kỳ nhà ở công vụ theo quy định về đầu tư, xây dựng hiện hành.

e) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhà ở công vụ, báo cáo kịp thời bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân huyện (thông qua Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện) các trường hợp vi phạm quy chế, nội quy.

g) Giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cán bộ, công chức liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng nhà ở công vụ

1. Người sử dụng nhà ở công vụ có quyền:

a) Sử dụng phần diện tích ghi trong hợp đồng thuê nhà ở công vụ theo đúng mục đích sử dụng, sử dụng các máy móc, vật dụng sinh hoạt được trang bị trong nhà ở công vụ.

b) Tham gia đề xuất, đóng góp ý kiến với cơ quan quản lý nhà ở công vụ nhằm góp phần nâng cao chất lượng công tác quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

c) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người sử dụng nhà ở công vụ có nghĩa vụ:

a) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền thuê nhà theo quy định hiện hành về giá cho thuê nhà công vụ và các phí dịch vụ khác đã sử dụng như: tiền nước, tiền điện, tiền điện thoại, phí vệ sinh, trông xe, phí sử dụng thang máy...

b) Thanh lý hợp đồng thuê nhà và bàn giao nhà ở công vụ lại cho cơ quan quản lý nhà khi có quyết định của Ủy ban nhân dân huyện về việc thu hồi nhà ở công vụ.

c) Kịp thời thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp nhà ở công vụ nơi mình đang thuê biết về những thay đổi trong công tác của mình liên quan đến điều kiện tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ (nếu có).

d) Chấp hành nghiêm Quy chế và Nội quy sử dụng nhà ở công vụ. Không đưa người khác vào ở trong nhà ở công vụ nếu chưa có sự đồng ý của cơ quan quản lý nhà.

đ) Giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh khu vực công cộng, thực hiện tốt các quy định về quản lý đô thị, phòng, chống cháy, nổ; phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại đến nhà ở công vụ. Tham gia giữ gìn, bảo quản tốt nhà ở công vụ. Không tự ý sửa chữa, coi nói làm thay đổi kết cấu, công năng sử dụng, không được sử dụng nhà vào mục đích kinh doanh, sang nhượng, cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh...

e) Người sử dụng nhà ở công vụ có trách nhiệm tạo thuận lợi cho việc bảo dưỡng sửa chữa nhà. Các hư hỏng do người sử dụng gây ra thì người sử dụng phải tự sửa chữa để phục hồi nguyên trạng và bồi thường theo mức độ gây thiệt hại. Các hư hỏng do nhiều hộ cùng sử dụng gây ra thì các hộ đó phải chịu phí tổn sửa chữa và bồi thường. Giá trị bồi thường theo thời giá hiện hành.

g) Không chăn nuôi gia súc, gia cầm làm ảnh hưởng tới trật tự, mỹ quan và vệ sinh môi trường. Trường hợp nuôi động vật làm cảnh thì phải bảo đảm không ảnh hưởng đến các hộ xung quanh, không gây ô nhiễm môi trường.

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan sử dụng cán bộ, công chức

1. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà công vụ thực hiện các thủ tục thu hồi nhà theo quy định đối với các trường hợp phải thu hồi nhà theo Điều 11 Quy chế này.

2. Xem xét, kiến nghị với cơ quan quản lý nhà công vụ sắp xếp, bố trí cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị mình có khó khăn về nhà ở sau khi trả lại nhà công vụ được thuê.

Điều 11. Thu hồi nhà công vụ

Các trường hợp thu hồi nhà công vụ:

1. Người sử dụng không còn đủ điều kiện để được sử dụng nhà công vụ theo Điều 5 Quy chế này.

Trong trường hợp người sử dụng nhà công vụ còn đủ điều kiện để sử dụng nhà công vụ (theo Điều 5) nhưng không đủ tiêu chuẩn để sử dụng nhà công vụ đó thì Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thu hồi nhà đó và bố trí nhà khác theo đúng tiêu chuẩn quy định (theo Điều 6).

2. Người sử dụng nhà công vụ hết tiêu chuẩn được ở nhà công vụ, chuyển công tác, nghỉ công tác hoặc đang thuê nhà ở công vụ bị chết.

3. Nhà công vụ bị chiếm dụng, chuyển đổi, sang nhượng, sử dụng không đúng mục đích, không đúng đối tượng, không đúng tiêu chuẩn theo quy định.

4. Người sử dụng nhà công vụ vi phạm nghiêm trọng Quy chế quản lý, sử dụng nhà công vụ.

5. Người sử dụng nhà công vụ tự nguyện trả lại do đã sắp xếp được chỗ ở khác.

Chương IV
QUY TRÌNH XÉT DUYỆT, CHO THUÊ,
THU HỒI NHÀ CÔNG VỤ

Điều 12. Trình tự, thủ tục đề nghị sử dụng nhà công vụ

1. Người đề nghị sử dụng nhà công vụ nộp 1 bộ hồ sơ tại cơ quan sử dụng cán bộ, công chức.

Thành phần hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị sử dụng nhà công vụ (*theo mẫu*).

b) Quyết định điều động, luân chuyển, biệt phái cán bộ, công chức đến làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh thuộc diện được sử dụng nhà công vụ.

2. Trình tự thực hiện:

a) Cơ quan, tổ chức nơi cán bộ, công chức có nhu cầu sử dụng nhà ở công vụ tổng hợp danh sách đơn đề nghị sử dụng nhà ở công vụ của các đối tượng quy định tại Điều 4 và có văn bản gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện (kèm theo toàn bộ hồ sơ đề nghị của từng cá nhân).

b) Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện chủ trì phối hợp với Phòng Công Thương, cơ quan, tổ chức nơi có cán bộ, công chức có đơn đề nghị sử dụng nhà ở công vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn sử dụng nhà công vụ quy định tại Quy chế này và cân đối với quỹ nhà công vụ hiện có xem xét và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định cho thuê sử dụng nhà công vụ đối với từng trường hợp cụ thể nếu đủ điều kiện hoặc thông báo cho người đăng ký biết nếu hồ sơ không đủ điều kiện.

c) Trong vòng 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cho thuê sử dụng nhà công vụ của Ủy ban nhân dân huyện, cơ quan được giao quản lý trực tiếp nhà công vụ phải sắp xếp, bố trí và ký kết hợp đồng thuê nhà, bàn giao nhà (phòng ở) cho người thuê.

Điều 13. Trình tự, thủ tục thu hồi nhà công vụ

1. Trong vòng 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền hoặc của cơ quan quản lý trực tiếp nhà công vụ liên quan đến các trường hợp thu hồi nhà công vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện xem xét thụ lý và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định thu hồi nhà công vụ đó, đồng thời

chuyển toàn bộ hồ sơ cho cơ quan quản lý trực tiếp nhà công vụ nơi có nhà bị thu hồi để thực hiện việc thu hồi nhà.

2. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận quyết định thu hồi nhà công vụ của Ủy ban nhân dân huyện, cơ quan quản lý trực tiếp nhà công vụ đó phải thông báo cho người đang sử dụng nhà biết và tiến hành các thủ tục kiểm kê tài sản, thanh lý hợp đồng thuê nhà và thu hồi nhà.

Thời gian trên không tính thời gian giải quyết tranh chấp, khiếu nại (nếu có).

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Nhiệm vụ của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định bố trí và thu hồi nhà công vụ theo đúng quy định của Quy chế này.

2. Định kỳ sáu tháng một lần, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện về tình hình quản lý, sử dụng nhà công vụ trên địa bàn huyện, bao gồm: quỹ nhà đã sử dụng, quỹ nhà chưa sử dụng, quỹ nhà chuẩn bị đưa vào sử dụng làm nhà công vụ (nếu có), số lượng đơn đã giải quyết, số lượng đơn chưa giải quyết, các trường hợp thu hồi, các trường hợp khác (nếu có).

3. Định kỳ hàng quý, các cơ quan quản lý trực tiếp nhà công vụ báo cáo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện về tình hình quản lý, sử dụng nhà công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của mình.

Điều 15. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng nhà công vụ vì động cơ cá nhân hoặc thiếu trách nhiệm gây thất thoát tài sản Nhà nước, chiếm dụng nhà công vụ, sử dụng vào mục đích khác hoặc vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, bồi thường thiệt hại vật chất hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan tổ chức có liên quan

1. Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân sử dụng nhà công vụ căn cứ nội dung của Quy chế này để tổ chức thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Cách Mạng

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng